

BÁO CÁO

**Về việc sơ kết tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý II/2020
và phương hướng kế hoạch quý III/2020**

PHẦN I: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH

A/- TÌNH HÌNH SẢN XUẤT THÁNG 06/2020

1/- Sản lượng thu hoạch :

Nông Trường	K.hoạch năm 2020 (tấn)	Tháng 06				Lũy kế thực hiện	
		Kế hoạch (tấn)	Thực hiện (tấn)	Tỷ lệ đạt %		Thực hiện (tấn)	Tỷ lệ % so KH năm
				KH tháng	KH năm		
-NT GÒ DẦU	1.550	116	180,844	155,6	11,7	499,037	32,2
-NT CẦU KHỞI	4.756	357	410,740	115,1	8,6	1.495,788	31,5
-NT BẾN CỬI	1.573	118	134,863	114,3	8,6	399,900	25,4
CỘNG	7.879	591	726,447	122,9	9,2	2.394,725	30,4

2/- So sánh với cùng kỳ năm 2019

a/-Tiền độ thực hiện :

Nông trường	% đạt KH tháng 06/KH năm			Lũy kế % đạt KH năm đến 30/06		
	2019	2020	2020/2019	2019	2020	2020/2019
-NT GÒ DẦU	9,6	11,7	121,5	35,8	32,2	89,9
-NT CẦU KHỞI	10,2	8,6	84,7	35,9	31,5	87,6
-NT BẾN CỬI	10,0	8,6	85,7	38,5	25,4	66,0
CỘNG	10,0	9,2	92,2	36,3	30,4	83,7

b/- Chất lượng nguyên liệu :

Nông trường	H.lượng DRC b/quân tháng 06			Tỷ lệ mù tạp tháng 06		
	2019	2020	2020/2019	2019	2020	2020/2019
-NT GÒ DẦU	31,82	33,48	105,22	14,12	11,08	78,47
-NT CẦU KHỞI	38,08	38,80	101,89	12,97	13,24	102,08
-NT BẾN CỬI	35,70	37,08	103,87	15,00	14,25	95,00
CỘNG	35,85	36,99	103,18	13,62	12,89	94,64

3/- Chế biến sản phẩm: (Tấn)

Diễn giải	NM Trung tâm	NM Bến Cúi	Tổng Số
1. Tháng 6/2020:	915,633	190,177	1.105,810
Trong đó : - Mù khai thác	617,678	56,905	674,583
+ Mù côm	143,692	56,905	200,597
+ Mù Latex	473,986	-	473,986
- Mù thu mua	-	52,920	52,920
- Mù gia công	297,955	80,352	378,307
2. Lũy kế:	2.888,515	679,444	3.567,959

Trong đó : - Mủ khai thác	1.912,810	337,814	2.250,624
+ Mủ côm	505,855	337,814	843,669
+ Mủ Latex	1.406,955	-	1.406,955
- Mủ thu mua	60,000	163,800	223,800
- Mủ gia công	915,705	177,830	1.093,535

***Cơ cấu chế biến mủ khai thác:**

TỔNG SỐ (tấn)	SVR3L	SVR5	SVR10	Ng.lệ	Latex	Tận thu	Skim
2.250,624 tấn	303,365	30,310	322,385	15,768	1.406,955	44,773	127,068
100 %	13,48	1,35	14,32	0,70	62,51	1,99	5,65

4/- Giao, bán sản phẩm: (tấn)

	6/2020	Lũy kế
Tổng số:	1.227,620	3.793,130
Trong đó		
- Mủ khai thác:	769,295	2.491,417
+ Mủ côm:	328,715	1.135,657
+ Latex:	440,580	1.355,760
- Mủ thu mua:	153,720	324,600
- Mủ gia công:	304,605	977,113

5/- Sản phẩm tồn kho: (tấn)

Tổng số: 909,877

Trong đó

- Mủ khai thác:	725,963
+ Mủ côm	304,718
+ Mủ RSS	3,400
+ Mủ Latex	417,845
- Mủ thu mua:	0
- Mủ gia công:	183,914

6/- Công tác Nông nghiệp: quý II năm 2020

6.1 Vườn cây kinh doanh:

- Thời gian mở cạo lại toàn bộ diện tích vườn cây vào ngày 17/4/2020. Thường xuyên kiểm tra công tác thu hoạch mủ tại 03 Nông trường.
- Làm hồ sơ thanh lý cao su để trồng tái canh năm 2021 với diện tích 456,65576 ha.
- Hoàn chỉnh các hồ sơ lựa chọn nhà thầu cung cấp máng chắn mưa và các loại phân bón cho vườn cây cao su năm 2020. Xây dựng kế hoạch thuốc kích thích bôi trên vườn cây kinh doanh năm 2020.

a/- Kiểm tra quy trình kỹ thuật:

Đơn vị	SL CN	Xếp lỗi kỹ thuật công nhân										Dầm (mm/dao)		Điểm lỗi	Xếp loại	
		Xuất sắc		Giỏi		Khá		T/bình		Kém		Ngửa	Úp			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		> 2m			≤ 2m
NTGD	257	10	3,9	217	84,4	29	11,3	1	0,4	0	0	1,3	3,3	2,3	3,7	Giỏi
NTCK	465	13	2,8	396	85,2	55	11,8	1	0,2	0	0	1,4	3,8	1,9	3,7	Giỏi
NTBC	173	3	1,7	127	73,4	36	20,8	7	4,0	0	0	1,3		2,1	4,7	Giỏi
Công ty	895	26	2,9	740	82,7	120	13,4	9	1,0	0	0	1,4	3,6	2,1	3,9	Giỏi

Nhìn chung, công tác thực hiện quy trình kỹ thuật trên vườn cây kinh doanh của 3 Nông trường đạt loại giỏi, điểm lỗi bình quân 3,9 điểm/công nhân, công tác vệ sinh được quan tâm và thực hiện tốt. Một số lỗi vi phạm chủ yếu hiện nay: cạo phạm, hao dăm, không vuông; Đặc biệt trên vườn cây cạo úp tình trạng cạo hao dăm vẫn đang khá phổ biến; Ngoài ra, tình trạng một số công nhân nghỉ cạo chưa được bố trí cạo choàng kịp thời vẫn còn xảy ra như ở đơn vị NTGD và NTBC.

b/- Trang bị máng chắn mưa và bôi thuốc kích thích:

Năm 2020, hầu hết các vườn cây đều được trang bị máng chắn mưa kịp thời và đầy đủ, không trang bị trên vườn cây tận thu thanh lý. Số lượng máng chắn mưa được trang bị trong năm là:

Đơn vị	Số lượng (cái)	
	Máng 65 (cm)	Máng 85 (cm)
NTGD	198.310	61.735
NTCK	868.915	220.785
NTBC	317.466	7.647
Công ty	1.375.691	290.167

Số lượng kích thích sử dụng trong quý II:

Đơn vị	Tháng 5 (kg)			Tháng 6 (Kg)			Cộng (Kg)		
	ET 1,25%	ET 2,5%	ET 5%	ET 1,25%	ET 2,5%	ET 5%	ET 1,25%	ET 2,5%	ET 5%
GD		511			709			1.220	
CK		972			1.246			2.218	
BC		184		82	196	40	82	380	40
Cộng	0	1.667	0	82	2.151	40	82	3.818	40

Ghi chú: VC trồng năm 2012, 2013-NTBC: ET 1,25%; VC Nhóm 1,2,3: ET 2,5%; VC thanh lý TC 2021: ET 5%.

c/- Công tác bón phân:

Hoàn chỉnh công tác bón phân vườn cây kinh doanh trong tháng 5/2020 tại 03 Nông trường. Diện tích sử dụng máy bón phân là 1.335 ha, chiếm tỷ lệ 41,5% trên tổng diện tích bón phân 3.216,2 ha. Số lượng phân bón như sau:

Vườn cây	Diện tích (ha)	Định mức (kg/ha)					Số lượng (tấn)				
		NPK 16-8-16	HCV S	Urea	Kali	Lân NC	NPK 16-8-16	HCVS	Urea	Kali	Lân NC
2013-2004	2.244,66	135	85				303,03	190,8	0,33	0,48	
2003-1997	852,03	158	110				134,62	93,72			
2010-2008	119,51			115	53	94			13,72	6,31	11,226
T/cộng	3.216,20						437,65	284,52	14,05	6,79	11,226

6.2 Vườn cây KTCB và trồng mới tái canh :

- Thực hiện công tác bón phân trên vườn cây KTCB trồng năm 2019 – 2015 với tổng diện tích là 2.047,0164 ha, với số lượng phân bón NPK 16-16-8 là 503.124 kg.

- Đến thời điểm hiện nay, tiến độ diện tích cưa cắt, giải phóng mặt bằng thực hiện được 541 ha, đạt tỷ lệ 97 % kế hoạch; diện tích còn lại khoảng 16 ha thuộc NTBC đang thực hiện cưa cắt thanh lý.

- Do tình hình khó khăn về nhân lực, công ty đã giao khoán bên ngoài trồng và chăm sóc cao su tái canh tại NT Gò Dầu, khu vực xã Thạnh Đức với diện tích 116,65 ha và khu vực xã Hiệp Thạnh với diện tích 113,82 ha.

- Công tác trồng tái canh đang thực hiện, lũy kế đến 30/6/2020 từng đơn vị cụ thể như sau:

+ NT Gò Dầu:	146,65 ha/ 146,65 ha, hoàn chỉnh.
+ NT Gò Dầu (GK Thạnh Đức):	68,57 ha/ 116,65 ha, tỷ lệ 58,8%.
+ NT Gò Dầu (GK Hiệp Thạnh):	41,88 ha/ 113,82 ha, tỷ lệ 36,8%.
+ NT Cầu Khởi:	50,27 ha/ 50,27 ha, hoàn chỉnh.
+ NT Bến Củi:	79,64 ha/ 125,64 ha, tỷ lệ 63,4%.
Tổng cộng:	387,01 ha/ 553,04 ha, tỷ lệ 70%.

6.3 Vườn ương – vườn nhân:

- Vườn ương năm 2019 – 2020: 4,67 ha, Trong đó: GD: 2,80 ha, CK: 0,53 ha, BC: 1,34 ha. Chuẩn bị tốt cây giống, đảm bảo chất lượng cây giống, đang giao cây giống phục vụ trồng tái canh 2020.

- Vườn nhân: 3 ha thuộc Nông trường Bến Cui, giống RRIV 1, RRIV 5, RRIV 124, RRIV 106, RRIC 121, IRCA 130, PB 255, RRIV 120, ... Phun thuốc phòng trị bệnh, bón phân, tưới nước thường xuyên.

6.4 Công tác phòng trị bệnh:

a/- Bệnh phấn trắng:

Công tác phun thuốc phòng bệnh phấn trắng trên vườn cây cao su kinh doanh được thực hiện từ ngày 09/01/2020 đến ngày 25/02/2020. Diện tích phun 3.201 ha/ 3.706 ha đạt tỷ lệ 86,4%, số liệu cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Vườn cây kinh doanh		Ghi chú
		Diện tích (ha)	Thực hiện (ha)	
1	NTGD	917,60833	635,24555	
2	NTCK	1.903,30758	1.868,46707	
3	NTBC	885,20357	697,76924	
Công ty		3.706,11948	3.201,48186	86,4%

Lượng thuốc sử dụng phun phòng trị bệnh trong năm 2020: Hexin: 3.496 lít, Kumulus: 124 kg, Bám dính: 3.578 lít, Komix rb: 2.428 lít.

b/- Bệnh *Corynespora*:

Năm 2020, thời tiết diễn biến phức tạp, một số ổ bệnh *Corynespora* năm 2019 trên vườn cây trồng năm 2005 - giống RRIV 4, bắt đầu xuất hiện bệnh sớm trong tháng 4/2020, cụ thể tại NT Bến Cui với diện tích 38,76 ha.

Thực hiện phun thuốc: 2 đợt, khoảng cách giữa 2 đợt là 7-10 ngày; Với nồng độ 0,2% Hexin + 0,2% bám dính. Đến nay, vườn cây được khống chế bệnh hiệu quả và không lây lan sang vườn cây khác.

c/- *Bệnh Nấm hồng*: đến thời điểm hiện tại, vườn cây vẫn chưa xuất hiện bệnh nấm hồng, các đơn vị Nông trường liên tục theo dõi, kiểm tra vườn cây để phát hiện và có hướng xử lý kịp thời.

* Một số thuận lợi và khó khăn trong công tác nông nghiệp:

- Thuận lợi: công tác phun phòng trị bệnh đạt hiệu quả cao và thường xuyên theo dõi tình hình bệnh phấn trắng trong mùa thay lá nên vườn cây sớm có bộ lá ổn định, sẵn sàng cho việc mở cạo sớm. Thực hiện khảo sát, quy hoạch vô cạo sớm tạo điều kiện thuận lợi cho kế hoạch bố trí nhân lực, chia phần cây cạo và xây dựng kế hoạch vật tư trang bị vườn cây kinh doanh. Được sự quan tâm chỉ đạo của Ban Lãnh đạo Công ty, các phòng nghiệp vụ phối hợp cùng với ba nông trường nên đến hiện nay tình hình thực hiện sản lượng tuy có thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019 nhưng tính đến ngày 30/6/2020 Công ty đạt 30,4% kế hoạch.

- Khó khăn:

+ Tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, bên cạnh thời tiết biến động bất thường, nắng hạn kéo dài, thời gian mở cạo trễ so với năm 2019, giá mù liên tục giảm, tình trạng công nhân xin nghỉ việc nhiều (tính đến hiện nay có hơn 83 lao động cạo mù nghỉ việc) làm ảnh hưởng đến việc thực hiện sản lượng khai thác vào đầu mùa cạo. Vườn cây cuối giai đoạn nhóm 2 và nhóm 3 thuộc NTGD có một số diện tích suy kiệt, tán lá thưa, nhỏ và nhiều năm nay không bón phân, ảnh hưởng đến sản lượng khai thác giảm.

+ Tình trạng rụng lá không đồng đều, dẫn đến cây ra lá theo từng tầng lá làm ảnh hưởng đến việc xác định thời điểm phun thuốc. Giai đoạn phun thuốc các đợt rơi vào thời gian nghỉ tết cổ truyền, ảnh hưởng đến việc bố trí nhân lực thực hiện phun thuốc cũng như hướng dẫn, kiểm tra.

+ Vườn cây nhóm 2 và nhóm 3 không phun thuốc phòng bệnh phấn trắng, bệnh xuất hiện tương đối nặng cấp bệnh từ cấp 3 - cấp 5, tỷ lệ bệnh 100%, chỉ số bệnh khá cao, gây rụng lá nhiều lần trên toàn bộ diện tích, bộ lá chưa ổn định.

7/- Công tác XD CB :

Diễn giải	ĐVT	KH năm	TH đến 06/2020	% đạt KH
* Tổng nhu cầu vốn đầu tư	1,000 đ	253.593.528	17.527.275	6,9
- Vốn đầu tư XD CB	"	27.787.028	5.735.775	20,6

+ Xây lắp	“	25.552.028	5.735.775	22,4
+ Thiết bị	“	2.235.000	-	-
- Thanh toán KH 2019 chuyển sang	“	10.447.500	2.512.500	24
- Đầu tư tài chính dài hạn	“	215.359.000	9.279.000	4,3

8/- Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 06/2020	Lũy kế
1- Hiệu quả sản xuất	Đồng		
- Giá thành b.quân/1 tấn	“	31.363.687	32.982.588
- Giá bán b.quân/1 tấn	“	31.482.952	33.520.344
2- Doanh thu	1.000đ	46.048.504	152.998.762
+ Cao su khai thác	“	24.219.678	83.513.154
+ Cao su thu mua	“	4.971.708	11.249.293
+ Cao su gia công	“	794.433	2.542.010
+ Kinh doanh nhiên liệu	“	953.643	5.061.855
+ Kinh doanh khác	“	4.788	216.402
+ Hoạt động tài chính	“	2.506.832	4.112.602
+ Hoạt động khác	“	12.597.422	46.303.446
3- Lợi nhuận	1.000đ	8.300.514	43.820.596
+ Lợi nhuận cao su khai thác	“	91.750	1.339.773
+ Hoạt động tài chính	“	2.456.451	4.054.996
+ Hoạt động khác	“	5.752.313	38.425.827
4- Các khoản nộp ngân sách :	1.000đ	11.964	14.760.931
- Thuế GTGT	“		1.614.503
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	“		8.632.172
- Thuế môn bài. Sử dụng đất PNN	“		17.623
- Thuế thu nhập cá nhân	“		4.284.715
- Thuế tài nguyên	“	3.817	49.810
- Phí, lệ phí khác	“	8.147	162.108
5-Tiền lương CB.CNV b/quân/tháng		6.300.000	5.912.231
(đồng/người/tháng)			

9/- Cây gậy đồ:

	NTGD	NTCK	NTBC	Tổng cộng
Tháng 06 năm 2020	72	54	69	195
05 tháng đầu năm 2020	328	442	419	1.189
			Tổng cộng 06 tháng	1.384

10/- Công tác khác :

- Nộp tờ khai (điều chỉnh) nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải cho 02 nhà máy năm 2019 và Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường quý 1 năm 2020 cho Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Đăng ký bổ sung về việc mua lốp xe tải 8.25.16.18PR thương hiệu 3 sao của VRG.
- Gửi văn bản cho Công ty TNSR-PTCS về việc tiếp tục gia công mù nguyên liệu khai thác mù tại Nhà máy Công ty TNHH phát triển cao su C.R.C.K 2.
- Sửa chữa xe bồn 70H-7557, nghiệm thu phụ tùng xe trước khi lắp ráp sửa chữa.
- Tiếp và làm việc với Tập đoàn, Đơn vị Tư vấn về việc thực hiện chứng chỉ rừng bền vững.
- Kiểm tra sửa chữa đầu đốt, bộ điều khiển nhiệt độ lò sấy mù tinh Nhà máy Bến Cùi.
- Thanh toán tiền bảo hành còn lại hạng mục: Bọc Inox các mương mù, bồn chứa nước 40m³ và sửa chữa hệ thống nâng hạ mù từ Nhà máy Bến Cùi.
- Kiểm tra hệ thống, phương tiện PCCC định kỳ 6 tháng đầu năm toàn Công ty và Nhà máy Bến cùi.

- Phối hợp với Điện lực Tây Ninh kiểm tra thực tế diện tích đất dưới hành lang an toàn lưới điện 03 NT.
- Thuê đơn vị có chức năng thẩm định giá để thanh lý 06 xe vận chuyển mù không còn sử dụng.
- Kiểm tra sửa chữa thắng từ máy ly tâm latex số 2, màn hình điều khiển máy ly tâm bùn khu xử lý nước thải Nhà máy Hiệp Thạnh.
- Thuê đơn vị lấy mẫu, đo đạc, phân tích và lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ cho 02 nhà máy năm 2020 theo quy định.
- Thuê đơn vị sửa chữa tủ điện hệ thống xử lý nước thải Nhà máy Bến Củi.
- Giao chất thải nguy hại 6 tháng đầu năm toàn Công ty cho Công ty MTX Huê Phương VN xử lý.
- Định mức nhiên liệu cày lấp hồ tại NTBC.
- TT Y tế: Thực hiện cấp cứu 21 ca, chuyển tuyến trên 7 ca; điều trị nội trú 21 ca, ngoại trú 554 ca.
- Bảo vệ: 6 tháng đầu năm tình hình an ninh chính trị được giữ vững và ổn định. Trật tự an toàn xã hội: Trộm cắp mù xảy ra 05 vụ, bắt giữ 05 đối tượng. Tang vật tạm giữ 73kg mù các loại, 03xe máy. Người, tang vật và phương tiện đã chuyển giao Công an địa phương xử lý, phạt hành chính số tiền 4,5 triệu đồng. Tệ nạn phá hoại xảy ra 02 vụ chặt phá cây cao su: 01 vụ tại lô A3 thuộc nông trường Gò Dầu làm thiệt hại 72 cây cao su năm trồng 2018; 01 vụ tại lô G12 thuộc nông trường Bến Củi làm thiệt hại 22 cây cao su năm trồng 2018, vụ việc báo cáo Công an địa phương thụ lý.

B/- PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH THÁNG 07/2020:

1/- Sản lượng khai thác:

1.1/- Sản lượng thu hoạch: (Tấn)	Quý III (33%)	Tháng 07 (11%)
- NT Gò Dầu	512	171
- NT Cầu Khởi	1.569	523
- NT Bến Củi	519	173
CỘNG :	2.600	867
1.2/- Sản lượng chế biến: (Tấn)	Tháng 07/2020	
Tổng số:	1.050	
Trong đó : - Mù khai thác:	850	
- Mù gia công:	200	
- Mù thu mua:	//	

2/- Dự kiến sản lượng tiêu thụ tháng 07/2020:

Tổng số:	820	Tấn
Trong đó: -Xuất khẩu+UTXK	50	
+Mù côm:	-	
+Mù latex:	50	
-Nội địa	770	
+Mù côm:	270	
+Mù latex:	500	

3/- Công tác khác:

- Thanh lý 6 xe vận chuyển mù không còn sử dụng.
- Xuất chứng từ chất thải nguy hại cho Công ty Môi trường Xanh Huê Phương.
- Theo dõi vận hành 2 hệ thống XLNT tại 02 NM. Kê khai nộp thuế tài nguyên nước tháng 06.
- Tiếp tục phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch sản lượng khai thác Tập đoàn giao.
- Tiếp tục chuẩn bị đất, chăm sóc nguồn cây giống đảm bảo chất lượng cây giống khỏe, sinh trưởng tốt để thực hiện trồng tái canh các lô còn lại, dự kiến hoàn chỉnh trồng tái canh trước ngày 20/7/2020; Riêng diện tích đang cưa cắt thanh lý sẽ giao đất trễ, dự kiến trồng tái canh hoàn chỉnh trước ngày 31/7/2020.
- Kiểm tra vườn cây trồng tái canh đợt 1 (sau khi trồng 1 tháng). Chăm sóc tốt vườn cây kiến thiết cơ bản, kiểm soát dịch bệnh, báo cáo tình hình sử dụng phân bón đợt 1 năm 2020 và cả năm.
- Kiểm tra QTKT vườn cây kinh doanh quý 3 năm 2020 và kiểm tra thường xuyên công tác khai thác mù để điều chỉnh kỹ thuật cạo mù kịp thời góp phần hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2020.
- Làm hồ sơ hợp tác luân canh trồng cây mía diện tích khoảng 150 ha trình Ban Lãnh đạo Tập đoàn.
- Thanh lý vườn cây cao su kinh doanh, lập vườn ương sản xuất cây giống để trồng tái canh năm 2021.
- Xây dựng kế hoạch nông nghiệp năm 2021 trình Tập đoàn CN Cao su Việt Nam.
- Chuẩn bị tổ chức Hội thi Bàn tay vàng khai thác mù năm 2020 cấp Công ty.

PHẦN II: CÔNG TY TÂY NINH-SIÊM RIỆP PHÁT TRIỂN CAO SU

I/. Một số tình hình thực hiện trong quý II/2020:

1/. Công tác nông nghiệp:

a/ Vườn cây KTCB:

Chi tiết công việc	ĐVT	Kế hoạch quý	Thực hiện	% đạt	Lũy kế năm	Trong đó
1.1 Cắt chồi và dây leo		3.470,42	2.277,77		2.277,77	
- Nông trường 1	ha	1.494,38	974,90	65,24	974,90	2013: 641,27 ha. 2014: 198,92 ha. 2015: 134,71 ha.
- Nông trường 2	ha	335,00	280,00	83,58	280,00	2014: 280 ha.
- Nông trường 3	ha	1.641,04	1.022,87	62,33	1.022,87	2014: 303,36 ha. 2015: 700,54 ha. 2016: 18,97 ha.
1.2 Thối lá chống cháy		156,76	101,25		858,68	
- Nông trường 1	ha	140,50	87,10	61,99	667,85	2013: 79,77 ha. 2014: 7,33 ha
- Nông trường 3	ha	16,26	14,15	87,02	190,83	2013: 14,15 ha
1.3 Cây, ủ rãnh chống cháy		285,12	223,27		1.027,55	
- Nông trường 1	ha	40,00	16,50	41,25	216,54	2014: 13 ha; 2013: 3,5 ha.
- Nông trường 2	ha	31,50	30,00	95,24	218,30	2014: 30 ha.
- Nông trường 3	ha	213,62	176,77	82,75	592,71	2013: 2,5 ha; 2014: 60,72 ha; 2015: 106,64 ha; 2016: 6,91 ha.
1.4 Khoan hố ép xanh + tủ dây đậu						
- Nông trường 2	hố	1.500	1.500	100,00	1.500	2015: 500 hố. 2014: 1.000 hố.
- Nông trường 3	Cây	7.000	6.641	94,87	6.641	2014: 6.641 hố. (Tủ cách gốc 0,5 m)
1.5 Phun thuốc trị rệp sáp		115,12	120,12		120,12	
- Nông trường 1	ha	105,12	105,12	100,00	105,12	2013: 52,56 ha (Phun lần 2: 52,56ha)
- Nông trường 2	ha	10,00	15,00	150,00	15,00	2014: 15 ha. (Phun lần 2: 5ha)
1.6 Ủi cây rừng		231,87	113,48		113,48	
- Nông trường 1	ha	70,00	83,10	118,71	83,10	2013:30,5ha;2014:46,6 ha;2015:6 ha
- Nông trường 3	ha	161,87	30,38	18,77	30,38	2015: 30,38 ha.
1.7 Cắt cây nghiêng		3.528	3.827		3.827	
- Nông trường 1	Cây	-	37		37	2013: 37 cây
- Nông trường 2	Cây	-	600		600	2014: 600 cây.
- Nông trường 3	Cây	3.528	3.190	90,42	3.190	2016: 3.190 cây (38,32 ha)
1.8 Phun thuốc cỏ		1.132,82	723,71		723,71	
- Nông trường 1	ha	243,34	45,88	18,85	45,88	2014: 11,7 ha; 2015: 34,18 ha
- Nông trường 2	ha	168,00	236,00	140,48	236,00	2014: 194 ha; 2015: 42 ha.
- Nông trường 3	ha	721,48	441,83	61,24	441,83	2014: 80,58 ha; 2015: 341,05 ha; 2016: 20,2 ha.
1.9 Bón phân		933,64	833,10		833,10	
- Nông trường 1	ha	168,67	168,67	100,00	168,67	2015: 168,67 ha.
- Nông trường 2	ha	92,65	92,65	100,00	92,65	2015: 92,65 ha.
- Nông trường 3	ha	672,32	571,78	85,05	571,78	2015: 502,5 ha, 2016: 69,28 ha.
1.10 Phát cây rừng trên lô		64,98	44,20		44,20	
- Nông trường 3	ha	64,98	44,20	68,02	44,20	2014:17 ha;2015:25,2 ha;2016: 2 ha.

b/ Vườn cây kinh doanh:

Chi tiết công việc	ĐVT	Kế hoạch quý	Thực hiện	% đạt	Lũy kế năm
Ủi cây rừng trên lô	ha	-	7,00		7,00
Bón phân	ha	464,42	464,42	100,00	464,42
Trang bị nắp đậy chén	Phân	538	315,00	58,55	315,00
Thiết kế	cây	31.569	31,569	100,00	255,847
Cột kiềng	cây	41.271	31.379	76,03	246.893
Rải chén	cây	41.271	30.931	74,95	30.931
Vệ sinh chén	cây	214.113	214.113	100,00	214.113

*** Sản lượng mù qui khô quý II/2020:**

Đơn vị thực hiện	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện quý II	Lũy kế năm	Tỷ lệ năm (%)
Nông trường 1	Tấn	300	50,858	77,517	25,84
Nông trường 3	Tấn	100	13,492	24,473	24,47
Tổng công ty	Tấn	400	64,350	101,990	25,50

- Kết quả kiểm tra quy trình kỹ thuật quý II/2020

Đơn vị	SL CN	XẾP LOẠI KỸ THUẬT CÔNG NHÂN THÁNG 06/2020								TB Lỗi KT/CN	Xếp loại tổ
		Giỏi		Khá		TB		KÉM			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
NT 1	83	4	4,82	7	8,43	45	54,22	27	32,53	12,59	D
NT 3	31	0	0	6	19,36	21	67,74	4	12,90	11,19	D
Công ty	114	4	3,51	13	11,40	66	57,90	31	27,19	12,21	D

2/. Công tác tài chính- kế toán:

- Lập kế hoạch sử dụng vốn tháng 04-05-06/2020, hồ sơ bán hàng gửi Công ty mẹ.
- Nhập liệu Báo cáo Tài chính hợp nhất Quý I/2020 của Tập đoàn.
- Rà soát biên bản làm việc và đối chiếu số liệu báo cáo năm 2019 của Ban kiểm soát Công ty mẹ.
- kê khai và nộp thuế trực tuyến tháng 03-04-05/2020 của TNSR và Best Royal theo mẫu mới.
- Tổng hợp nguyên giá vườn cây KTCB chuyển sang vườn cây kinh doanh diện tích 244,43 ha.
- Bàn giao công việc phụ trách phòng Tài chính Kế toán của đồng chí Đoàn Quốc Huy cho đồng chí Nguyễn Thị Kim Tuyến từ ngày 08/04/2020.
- Lập báo cáo làm việc với các cơ quan liên quan để được hỗ trợ khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19. Ước tính tiền thuế đăng ký gia hạn thời hạn nộp do hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19.
- Chuyển trả tiền mua vật tư cạo mù, tiền vận chuyển mù CSR10, tiền mua phân NPK16-16-8+TE và NPK16-8-16+TE
- Chi trả tiền xây dựng công trình nhà ở công nhân, giếng nước sinh hoạt, cống thoát nước tại NT3, tiền thi công đường phân lô vườn cây 2013, liên lô vườn cây 2014 của NT1.
- Tổng hợp số tiền Dự án và thông báo ấn định thuế của Công ty Best Royal gửi Công ty mẹ.
- Lập báo cáo tình hình đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước theo công văn của Bộ Tài chính. Hoàn thành hồ sơ COC năm 2018, lập hồ sơ COC năm 2019.
- Thực hiện Công văn của Ngân hàng Nhà nước Campuchia về việc hạn chế sử dụng đồng tiền đô la Mỹ loại tờ mệnh giá 1\$, 2\$, 5\$ được thay thế bằng tiền Riel.
- Hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục đề xuất Ngân hàng SHB hỗ trợ Công ty hoãn thu lãi trong vòng 6 tháng do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Lập kế hoạch, cân đối nguồn vốn trả nợ vay tại SHB.CPC, tờ trình xin chuyển lãi tháng 04/2020.
- Lập giấy đề nghị xin hoãn thời gian kiểm toán thuế, xây dựng Quy chế quản lý nợ.

3/. Công tác kế hoạch- xây dựng cơ bản:

Diễn giải	ĐVT	KH năm 2020	Thực hiện đến 30/06/2020	% đạt KH năm
* Tổng nhu cầu vốn	USD	9.781.485,90	478.257,03	4,89
+ Xây lắp	“	802.324,53	167.968,63	20,94
+ Thiết bị	“	33.362,85		
+ Chi phí khác	“	7.994.087,52		
+ Lãi vay	“	951.711,00	310.288,40	32,60

- Sửa chữa đường Nông trường 1. Lắp đặt cống thoát nước Nông trường 3.
- Lập hợp đồng mua vật tư khai thác sử dụng trong năm 2020.
- Xuất bán mù thành phẩm CSR10 về Việt Nam với số lượng 230 tấn đơn giá 1.280 \$/tấn.
- Mua sắm, cung ứng vật tư – phụ tùng sửa chữa máy móc thiết bị.

4/. Công tác tổ chức hành chính- lao động tiền lương:

- Giải quyết đất tranh chấp với người dân tại Nông trường 2.

- Hoàn tất chuyên xếp hạng doanh nghiệp năm 2020, xếp doanh nghiệp hạng III. Chuyên xếp lương cán bộ quản lý theo hướng dẫn của Tập đoàn.
- Kế hoạch ATVSLĐ và đào tạo ngắn hạn đã được thỏa thuận triển khai thực hiện.
- Thực hiện thủ tục đóng bảo hiểm tai nạn lao động và bảo hiểm chăm sóc y tế phía Campuchia hàng tháng cho tất cả người lao động tại đơn vị. Hoàn tất làm sổ thẻ lao động cho công nhân người CPC
- Hoàn tất mua bảo hiểm, đăng kiểm cho 05 xe văn phòng tại CPC.
- Làm việc với Sở lao động và đào tạo nghề của tỉnh tuyên truyền công tác phòng chống Covid-19.
- Theo dõi và điều chỉnh bếp ăn tập thể trong mùa dịch bệnh Covid-19.
- Làm việc với Bộ môi trường CPC về việc đóng tiền quỹ môi trường và xã hội năm 2019-2020.
- Theo dõi và điều chỉnh Phương án tiền lương khu vực khai thác mỏ cho công nhân khai thác.
- Tổng tiền lương thực hiện trong quý II/2020 là: 9.340.430,304 đồng.

II/. Phương hướng nhiệm vụ quý III/2020:

1/. Công tác nông nghiệp:

a/ Vườn cây kiến thiết cơ bản:

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi toàn bộ diện tích vườn cây để phòng trừ bệnh hại kịp thời và phun thuốc trị rệp sáp.
- Ủi cây rừng trên lô. Cắt chồi ngang và dây leo.
- Thực hiện công tác phun thuốc cỏ, bón phân khi điều kiện thời tiết thuận lợi.

b/ Vườn cây kinh doanh:

- Tuần tra bảo vệ vườn cây, bón phân. Phun thuốc diệt cỏ.
- Gắn nắp đập chén, sửa máng chắn mưa, phát dọn cỏ trên phân cạo.
- Thực hiện kế hoạch sản lượng và thu hoạch mù quý III/2020: 120 tấn mù quy khô (30% kế hoạch năm)

Loại mù	Đơn vị thực hiện	DVT	Kế hoạch năm	Kế hoạch quý III	Tỷ lệ năm (%)
Mù chén	Nông trường 1	Tấn	300	90	30
	Nông trường 3	Tấn	100	30	30
	Tổng công ty	Tấn	400	120	30

2/. Công tác tài chính- kế toán:

- Điều chỉnh lại Biểu 12 trong báo cáo tài chính từ năm 2012 đến 2019 theo cam kết.
- Bổ sung hồ sơ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 gồm:
 - + Đối chiếu công nợ với ông Leng Rithy: 150.000 USD;
 - + Phụ kiện hợp đồng 30, 31 gia hạn đến 31/12/2020;
- Chuẩn bị hồ sơ kiểm toán thuế TNSR và Best Royal.

3/. Công tác kế hoạch- xây dựng cơ bản:

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị kịp thời.
- Mua sắm, cung ứng vật tư – phụ tùng sửa chữa máy móc thiết bị.
- Vận chuyển mù nguyên liệu về nhà máy gia công.
- Thi công lán thu mù và sân tập kết mù.

4/. Công tác tổ chức hành chính- lao động tiền lương:

- Mua trang bị dụng cụ vật dụng BHLĐ quý III/2020.
- Kiểm tra đo thân nhiệt hàng ngày cho CB.CNV-LĐ.
- Hoàn tất kế hoạch tiền lương năm 2020 trình công ty mẹ.
- Tham mưu Tổng giám đốc về việc mua bảo hiểm xe văn phòng khi đến hạn.
- Phối hợp Ban PCCC lên kế hoạch chuẩn bị cho công tác PCCC mùa khô năm 2020-2021.
- Tiếp đoàn làm việc của Tổng cục xuất nhập cảnh và đoàn làm việc của Tỉnh đến kiểm tra.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Chánh